

Bản án số: **08** /2018/HS-ST

Ngày: 16 - 3 - 2018

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Lộc.

*Thẩm phán:* Ông Tôn Anh Dng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Dương Đắc Hoan, ông Nguyễn Tiên Nam, ông Nguyễn Tài Tuệ.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Thanh Thọ và bà Võ Thị Việt Phương -Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa:** Ông Lê Quang Hòa - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 và 16 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (số 11 Tôn Đức Thắng, thành phố H), xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 59/2017/TLST-HS ngày 19 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2018/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 01 năm 2018 đối với các bị cáo:

**1. Bị cáo Vương QUỐC H** (tên gọi khác: không); sinh ngày 20 tháng 12 năm 1980; tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi cư trú: tổ dân phố TL, thị trấn PD, huyện PV, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Nguyên Phó Giám đốc Ban đầu tư và xây dựng PV; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Vương Q T và bà Lê Thị C; có vợ: Đoàn Thị L; có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2014. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 29/01/2016 cho đến nay. Có mặt.

*Người bào chữa cho bị cáo Vương QUỐC H:*

- Luật sư Nguyễn Thản, Luật sư của Văn phòng Luật sư Huế Law, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế. Địa chỉ: 31 Tổ Hữu, phường PH, Huế. Có mặt.

- Luật sư Đồng Hữu Pháp, Luật sư của Văn phòng Luật sư Đồng Hữu Pháp, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế. Địa chỉ: 139 Bùi Thị Xuân, phường Phường Đúc, Huế. Có mặt.

**2. Bị cáo Trần Đình N** (tên gọi khác: không); sinh ngày 01 tháng 12 năm 1968; tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi cư trú: 32A BT, phường PH, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Nguyên Giám đốc Ban đầu tư và xây dựng PV; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đình L và bà Lê Thị T; vợ: Trần Thị Thu H; con: có 03 người con, lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 2011. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

*- Nguyên đơn dân sự:* Ban đầu tư và xây dựng huyện PV.

Địa chỉ: Thôn HDT, Xã PĐ, Huyện PV, Thừa Thiên - Huế.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Văn N, sinh năm 1970 - Phó Giám đốc phụ trách Ban đầu tư và xây dựng huyện PV. Có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Hoàng L, sinh năm 1958. Trú tại: 1167 NTT, phường PB, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Nguyên Giám đốc phụ trách Ban đầu tư và xây dựng huyện PV. Có mặt.

2. Bà Đoàn Thị L, sinh năm 1981. Trú tại: tổ dân phố TL, thị trấn PĐ, huyện PV, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Phạm Hữu Q, sinh năm 1981. Trú tại: Tổ dân phố TL, thị trấn PĐ, huyện PV, tỉnh Thừa Thiên Huế. Nghề nghiệp: Kế toán Ban đầu tư và xây dựng huyện PV. Có mặt.

2. Bà Lê Thị Thanh N, sinh năm 1979. Trú tại: 3/33 TT, phường PB, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Nghề nghiệp: Kế toán trưởng Kho bạc nhà nước huyện PV. Có mặt.

3. Ông Hoàng Xuân H, sinh năm 1955. Nơi đăng ký HKTT: 133 BTX, phường PĐ, thành phố H. Có mặt.

4. Ông Trần Văn T, sinh năm 1960. Trú tại: Xóm 7, khu quy hoạch LT, xã PT, huyện PV, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

5. Ông Phạm M, sinh năm 1977. Địa chỉ: Thôn AL, xã PM, huyện PV, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

6. Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1975. Địa chỉ: 32 ĐDT, phường PH, thành phố H. Vắng mặt.

7. Ông Nguyễn Đình H, sinh năm 1970. Địa chỉ: thôn XTH, xã VX, huyện PV, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

8. Ông Nguyễn Q Anh, sinh năm 1977. Địa chỉ: xóm 2, Lại Thê, PT, PV, Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

9. Anh Trần Quốc T, sinh năm 1982. Địa chỉ: Số 10 đường 2/9 phường PB, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

10. Ông La Thiên D, sinh năm 1957. Địa chỉ: 2/82 DTT, phường TD, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

11. Anh Trần Minh Hg, sinh 1958. Địa chỉ: 38 Adv, phường AC, thành phố H. Có mặt.

12. Chị Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1981. Địa chỉ: Tổ 9 phường TC, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

13. Ông Phan Đình N, sinh năm 1957. Địa chỉ: thôn MT, xã PM, huyện PV, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

14. Anh Dương Minh T, sinh năm 1984. Địa chỉ: thôn LT, PT, PV, Thừa Thiên Huế. Có mặt.

15. Anh Đoàn Văn S, sinh năm 1985. Địa chỉ: thôn LT, xã PT, PV, Thừa Thiên Huế. Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất huyện PV. Có mặt.

16. Ông Lê Théo, sinh năm 1954. Địa chỉ: thôn VL, xã PL, PV, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

17. Ông Đặng Phước L, sinh năm 1966. Địa chỉ: Thôn NA, xã PT, huyện PV, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

18. Ông Lê Quang T, sinh năm 1965. Nơi ĐKKHKT: Thôn LT, xã PT, huyện PV, tỉnh Thừa Thiên Huế. Chỗ ở: Nhà H26 đường số 8 khu AC City, phường АД, thành phố H. Vắng mặt.

19. Bà Trần Thị Mỹ V, Phó Giám đốc công ty TNHH HN. Địa chỉ: 133 BTX, thành phố H. Có mặt.

20. Ông Hoàng Ngọc S, Giám đốc Công ty TNNHH GS. Địa chỉ: số 10 NVTg, phường PB, thành phố H. Vắng mặt.

21. Bà Phan Thị Kiều T – Giám đốc Công ty TNHH NP. Địa chỉ: Phường PB, thị xã HT, TT.Huế. Vắng mặt.

22. Đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân huyện PV:

Ông Trần Thanh L, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện PV (theo giấy ủy quyền số 139/GUQ-UBND ngày 14/3/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện PV). Có mặt.

23. Đại diện theo pháp luật của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Nam Thừa Thiên Huế:

Bà Phan Thị Thu H, sinh năm 1965, chức vụ: Phó Giám đốc (theo giấy ủy quyền số 987/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 08/9/2015 của Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam) . Có mặt.

24. Đại diện theo pháp luật của Kho bạc Nhà nước huyện PV:

Bà Huỳnh Thị H, chức vụ: Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện PV. Nơi cư trú: Thị trấn PD, huyện PV, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

25. Đại diện theo pháp luật của Phòng Tài chính huyện PV:

Ông Trần Anh T, sinh năm 1965. Chức vụ: Trưởng Phòng. Nơi cư trú: thôn LT, xã PT, PV, Thừa Thiên Huế. Có mặt.

26. Đại diện theo pháp luật của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện PV:

Ông Lê Văn T, sinh năm 1961, chức vụ: Giám đốc. Nơi cư trú: thôn CB, xã PT, PV, Thừa Thiên Huế. Có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ban đầu tư và xây dựng huyện PV được thành lập theo Quyết định số 763/QĐ-UBND ngày 28/3/2008 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, là đơn vị sự nghiệp Nhà nước, trực thuộc UBND huyện PV có nhiệm vụ quản lý, sử dụng vốn của Nhà nước và các nguồn vốn khác (nếu có) đầu tư xây dựng các công trình trên địa bàn huyện PV do UBND huyện hoặc UBND tỉnh quyết định đầu tư và thực hiện các nhiệm vụ khác phù hợp với quy định của pháp luật. Ban đầu tư và xây dựng huyện PV do ông Hoàng L làm Giám đốc (từ ngày 15/4/2008 đến ngày 08/7/2013), ông Trần Đình N làm Giám

đốc (từ ngày 08/7/2013 đến ngày 31/3/2015) và ông Vương Quốc H, phó Giám đốc phụ trách kế toán.

### **1. Về hành vi tham ô tài sản của Vương Quốc H:**

Vương Quốc H, phó Giám đốc kiêm phụ trách kế toán, được Giám đốc Ban đầu tư và xây dựng huyện PV giao nhiệm vụ quản lý tài chính đơn vị và thực hiện công tác hành chính tại Ban. Theo quy trình, khi có thông báo vốn đầu tư kết hợp với khối lượng công việc đã được các đơn vị thi công và thực hiện nghiệm thu, chủ tài khoản và kế toán Ban tiến hành ký xác nhận và thực hiện lệnh rút vốn đầu tư tại Kho bạc huyện PV và chuyển khoản cho các đơn vị thi công hoặc rút vốn đầu tư tại Kho bạc huyện PV chuyển về tài khoản tạm gửi tại Ngân hàng để chuyển trả bằng hình thức chuyển khoản cho đơn vị thi công (chủ yếu là giữ tiền bảo hành công trình). Lợi dụng sự quản lý lỏng lẻo của Giám đốc Ban, Vương Quốc H đã lập chứng từ rút tiền mặt chi phí bảo hành công trình từ tài khoản tiền gửi của Ban tại Ngân hàng công thương - chi nhánh Nam Thừa Thiên Huế (PB) và rút tiền mặt nguồn tiền đối ứng từ tài khoản tiền gửi của Ban tại Kho bạc huyện PV rồi chiếm đoạt để sử dụng vào mục đích cá nhân. Cụ thể như sau:

#### **1.1. Về hành vi rút tiền bảo hành công trình tại tài khoản tiền gửi của Ban mở tại Ngân hàng Công thương – chi nhánh Nam Thừa Thiên Huế (VietinBank) của Vương Quốc H:**

Theo quy định của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng cơ bản đầu tư từ nguồn Ngân sách Nhà nước đều phải nộp tiền bảo hành công trình 5% giá trị hợp đồng đối với công trình xây dựng. Sau khi nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng thì số tiền bảo hành được chuyển khoản từ Kho bạc Nhà nước huyện PV sang tài khoản tiền gửi của Ban mở tại Ngân hàng Vietinbank – chi nhánh Nam Thừa Thiên Huế. Sau khi hết thời hạn bảo hành công trình 12 tháng, chủ đầu tư nghiệm thu kết thúc bảo hành và thanh toán tiền bảo hành cho nhà thầu nếu không có các hư hỏng, mất mát hoặc không đảm bảo chất lượng mà lỗi thuộc Nhà thầu.. Lợi dụng quy định này, từ tháng 3/2013 đến tháng 9/2014, Vương Quốc H đã lập 12 chứng từ rút tiền mặt chi trả tiền bảo hành công trình cho các đơn vị thi công tại Ngân hàng Vietinbank – chi nhánh Nam Thừa Thiên Huế (PB). Trong 12 chứng từ, H đã sử dụng 11 chứng từ rút tiền chiếm đoạt 935.796.000 đồng để sử dụng vào mục đích cá nhân. Cụ thể:

- Lần thứ nhất: Công trình trường Mầm non Vinh Xuân do Công ty TNHH TMDV BK hợp đồng xây dựng từ ngày 25/02/2011 với tổng giá trị xây lắp hoàn thành đến ngày 29/11/2013 là 2.300.201.000 đồng. Ban đầu tư và xây dựng huyện PV giữ tiền bảo hành công trình (5%) số tiền 115.510.000 đồng. Ngày 26/11/2012, Ban đã chuyển trả tiền bảo hành cho Công ty TNHH TMDV BK số tiền trên. Nhận thấy việc chuyển trả chi phí bảo hành trước hạn là không đúng quy định nên H đã báo cáo ông Hoàng L, Giám đốc Ban thu hồi nộp vào lại Ngân hàng vào ngày 11/03/2013. Sau đó, do Công ty TNHH TMDV BK bị thanh tra tỉnh xuất toán 8.490.514 đồng, nhưng công ty không chịu nộp nên Ngày 29/03/2013, H đã tham mưu cho Lãnh đạo Ban làm thủ tục rút tiền bảo hành công trình 115.510.000 đồng và nộp vào ngân sách Nhà nước thay cho Công ty TNHH TMDV BK số tiền 8.490.514 đồng, còn lại số tiền 107.019.486 đồng H đã chi trả cho Công ty TMDV BK. Tiền bảo hành công trình này H không chiếm đoạt.

- Lần thứ hai: Từ ngày 08/7/2013, ông Hoàng L, giám đốc Ban đã chuyển công tác sang làm Giám đốc Trung tâm dạy nghề huyện PV. Tuy nhiên, ngày 19/8/2013, H đã ký giả chữ ký chủ tài khoản là ông Hoàng L vào pH lĩnh tiền để rút chi phí bảo hành công trình chợ trung tâm PD giai đoạn 2 tại Ngân hàng VietinBank - chi nhánh Nam Thừa Thiên Huế số tiền 125.350.000đồng rồi chiếm đoạt.

Ngày 8/8/2016 cơ quan CSĐT công an tỉnh Thừa Thiên Huế đã ra quyết định trưng cầu giám định số 14/ĐT-PC46, giám định chữ ký của ông Hoàng L trên chứng từ lĩnh tiền.

Ngày 25/8/2016 Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế kết luận giám định số 231/GĐ, kết luận không phải chữ ký của ông Hoàn L trên chứng từ lĩnh tiền (BL: 613, 614, 615, 616, 623, 624).

- Lần thứ ba: Công trình Chợ PD giai đoạn 2 do Doanh nghiệp tư nhân xây dựng QA hợp đồng thi công công trình từ ngày 17/10/2011 với tổng giá trị xây lắp là 1.411.226.000 đồng. Ban đầu tư và xây dựng huyện PV đã giữ tiền bảo hành công trình là 70.561.000 đồng vào ngày 06/11/2012. Ngày 25/11/2013, H đưa chứng từ pH lĩnh tiền mặt chi phí bảo hành công trình Chợ PD giai đoạn 2 có chữ ký chủ tài khoản Trần Đình N, giám đốc và yêu cầu Phạm Hữu Q là cán bộ kế toán (nhân viên hợp đồng) đến Ngân hàng VietinBank – CN Nam Thừa Thiên Huế rút 170.561.000 đồng. Sau khi rút tiền về Q giao lại cho H (có biên bản giao nhận tiền). Đến ngày 01/4/2014, theo đề nghị của Doanh nghiệp, H nộp thuế thay cho Doanh nghiệp số tiền 70.000.000 đồng tại Chi cục thuế huyện PV mà Doanh nghiệp này đang nợ thuế. Còn lại số tiền 100.561.000 đồng H chiếm đoạt.

- Lần thứ tư: Vương Quốc H đưa chứng từ pH lĩnh tiền mặt cho Phạm Hữu Q và nói với Q “đi rút tiền để nộp thuế thay cho Doanh nghiệp”. Nghe vậy, Q tưởng thật nên đã rút chi phí bảo hành công trình (không rõ công trình nào) số tiền 70.956.000 đồng vào ngày 04/12/2013 về giao lại cho H (có biên bản giao nhận tiền) và H đã chiếm đoạt số tiền này.

- Lần thứ năm: Khu văn hóa thể thao trung tâm huyện lỵ PD được Công ty TNHH HN hợp đồng xây lắp vào ngày 04/12/2008 với tổng giá trị xây lắp là 3.662.424.000 đồng. Ban đầu tư và xây dựng PV đã giữ tiền bảo hành công trình là 183.121.000 đồng vào ngày 19/01/2012. Ngày 09/12/2013, Vương Quốc H đưa chứng từ pH lĩnh tiền mặt cho Phạm Hữu Q đi rút tiền chi phí bảo hành công trình Khu văn hóa thể thao trung tâm huyện lỵ PD. Sau khi rút tiền về, Q giao lại cho H (có biên bản giao nhận tiền) và H đã chiếm đoạt số tiền trên. Đến ngày 20/01/2014, H làm thủ tục chuyển khoản 183.121.000 đồng tiền bảo hành công trình cho Công ty TNHH HN để che giấu hành vi chiếm đoạt của mình.

- Lần thứ 6: Công trình vỉa hè, hệ thống thoát nước tuyến đường nội thị 6 PD được liên danh với Xí nghiệp TL và Công ty TNHH TH thi công xây lắp. Trong đó, Xí nghiệp TL trúng thầu gói trị giá 1.005.884.000 đồng và nghiệm thu vào tháng 11/2012. Ban đã giữ tiền bảo hành công trình 50.294.000 đồng vào ngày 21/12/2012. Ngày 02/01/2014, H làm thủ tục rút tiền mặt bảo hành công trình 139.450.000 đồng. Sau đó, H đã chi trả cho Xí nghiệp 50.294.000 đồng. Còn lại 89.156.000 đồng H chiếm đoạt.

- Lần thứ bảy: Công trình Vỉa hè nội thị 1 PD do Công ty TNHH QT xây dựng với tổng giá trị xây lắp là 1.543.780.000 đồng. Ban đã giữ tiền bảo hành công trình

(5%) 77.189.000 đồng vào ngày 27/12/2012. Ngày 17/02/2014, H rút tiền bảo hành công trình 77.189.000 đồng, H đã trả cho Công ty 70.000.000 đồng (có giấy xác nhận năm 2015), còn lại 7.189.000 đồng H đã chiếm đoạt.

- Lần thứ tám: Công trình Trụ sở HĐND và UBND huyện PV với giá trị nghiệm thu năm 2013 là 3.871.994.000 đồng, Ban đã giữ tiền bảo hành công trình 193.560.000 đồng vào ngày 23/01/2014. Ngày 03/3/2014, chưa hết thời hạn bảo hành công trình, H đã rút tiền mặt tại Ngân hàng Vietinbank – CN Nam Thừa Thiên Huế số tiền bảo hành công trình 193.560.000 đồng rồi chiếm đoạt. Đến ngày 01/7/2015 H làm thủ tục chuyển khoản số tiền bảo hành 193.560.000 đồng qua ngân hàng Quân đội cho Công ty PH để che giấu hành vi chiếm đoạt của mình.

- Lần thứ chín: Công trình via hè, hệ thống thoát nước tuyến đường nội thị 6 PĐ được Xí nghiệp TL và Công ty TNHH TH liên doanh thi công xây lắp (H đã rút không một lần vào ngày 02/01/2014 như đã nêu trong “lần thứ bảy”). Công ty TNHH TH trúng thầu gói trị giá 1.101.433.000 đồng (theo biên bản nghiệm thu vào ngày 26/10/2012). Ban đã giữ tiền bảo hành công trình (5%) 55.072.000 đồng vào ngày 14/01/2013. Ngày 28/5/2014, Vương Quốc H rút tiền mặt tại Ngân hàng Vietinbank – CN Nam Thừa Thiên Huế 155.000.000 đồng, H đã trả cho Công ty TNHH TH 55.072.000 đồng, còn lại 99.928.000 đồng H chiếm đoạt.

- Lần thứ mười: Công trình trường Mầm non PX được Công ty TNHH Xây dựng QH hợp đồng thi công xây dựng. Công trình nghiệm thu ngày 04/9/2014, với tổng giá trị quyết toán xây lắp 991.389.000 đồng. Ban đã giữ tiền bảo hành công trình (5%) 49.569.000 đồng vào ngày 12/5/2014. Ngày 16/6/2014, chưa hết thời hạn bảo hành công trình, H đã rút tiền bảo hành công trình tại Ngân hàng Vietinbank–CN Nam Thừa Thiên Huế 265.800.000 đồng rồi chiếm đoạt.

- Lần thứ mười một: Công trình Trường THCS PL do Xí nghiệp TL trúng thầu thi công với tổng quyết toán xây lắp vào ngày 30/01/2013 là 4.241.854.000 đồng. Ban giữ tiền bảo hành của Xí nghiệp 32.597.000đ vào ngày 16/8/2012. Ngày 25/6/2014, H rút tiền mặt tại Ngân hàng Vietinbank–CN Nam Thừa Thiên Huế 50.110.000 đồng và chi trả cho Xí nghiệp Thắng Lợi 32.597.000đ (có giấy xác nhận năm 2015), còn lại 17.513.000đ H chiếm đoạt.

- Lần thứ mười hai: Công trình Trường Mầm non Phú Lương do Công ty TNHH Phúc Huy xây dựng với tổng giá trị quyết toán xây lắp ngày 29/01/2013 là 4.124.669.000 đồng. Công trình này có chứng thư bảo lãnh nên Ban không giữ tiền bảo hành công trình. Ngày 09/9/2014, Vương QUỐC H làm thủ tục rút tiền bảo hành công trình tại ngân hàng Vietinbank – CN Nam Thừa Thiên Huế 102.200.000 đồng rồi chiếm đoạt.

Như vậy, từ tháng 3 năm 2013 đến tháng 9 năm 2014, Vương QUỐC H đã lập 12 chứng từ rút tiền mặt để chi trả tiền bảo hành cho 12 công trình cho các đơn vị thi công với tổng số tiền 1.648.807.000 đồng (trong đó: H rút đúng số tiền bảo hành các công trình là 711.963.000 đồng; rút vượt quá số tiền bảo hành công trình là 522.828.000 đồng; lập 02 chứng từ khống rút 196.306.000 đồng và có 01 công trình có chứng thư bảo lãnh H rút 102.200.000 đồng). Sau đó, H đã chi trả cho các đơn vị là 713.011.000đồng (trong đó H trả tiền bảo hành các công trình trên cho các đơn vị là 393.473.000 đồng và trả tiền bảo hành công trình nâng cấp, cải tạo tuyến đường Thai Dương Thuận An cho Doanh nghiệp tư nhân Phúc Anh 319.538.000 đồng). Còn lại số

tiền 935.796.000 đồng H đã chiếm đoạt của Ban đầu tư và xây dựng PV để sử dụng vào mục đích cá nhân.

## **1.2 Hành vi rút tiền đối ứng từ tài khoản tiền gửi của Ban mở tại Kho bạc huyện PV và thu tiền trực tiếp từ nguồn vốn đối ứng để chiếm đoạt của Vương QUỐC H:**

\* Hành vi rút tiền đối ứng từ tài khoản tiền gửi của Ban mở tại Kho bạc huyện PV:

Do nguồn vốn ngân sách còn hạn chế không thể bố trí 100% cho tất cả các công trình trên địa bàn huyện nên cần phải có nguồn vốn đối ứng từ ngân sách các xã, thị trấn để đầu tư cho các dự án trên địa bàn huyện PV do Ban làm chủ đầu tư. Căn cứ vào Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật của cấp có thẩm quyền, Ban có công văn yêu cầu các đơn vị đối ứng nộp tiền đối ứng vào tài khoản tiền gửi của Ban tại Kho bạc huyện PV để Ban quản lý, sử dụng cho công trình.

Từ tháng 9/2014 đến tháng 3/2015, Vương QUỐC H - phó Giám đốc kiêm kế toán Ban đã lập 12 chứng từ rút khống tiền mặt chi phí đền bù giải phóng mặt bằng. Sau đó, H giao chứng từ rút tiền tại bộ phận kế toán Kho bạc huyện PV và yêu cầu Phạm Hữu Q, nhân viên kế toán (cán bộ hợp đồng) đi lĩnh tiền về giao lại cho H với tổng số tiền là: 2.118.132.000 đồng (Hai tỷ một trăm mười tám triệu một trăm ba mươi hai nghìn đồng) rồi H chiếm đoạt. Cụ thể như sau:

- Ngày 15/9/2014, H lập giấy rút số tiền 395.322.000 đồng.
- Ngày 01/10/2014, H lập giấy rút số tiền 94.231.000 đồng.
- Ngày 21/10/2014, H lập giấy rút số tiền 168.248.000 đồng.
- Ngày 03/11/2014, H lập giấy rút số tiền 269.150.000 đồng.
- Ngày 27/11/2014, H lập giấy rút số tiền 112.650.000 đồng.
- Ngày 02/12/2014, H lập giấy rút số tiền 179.950.000 đồng.
- Ngày 09/12/2014, H lập giấy rút số tiền 187.665.000 đồng.
- Ngày 16/12/2014, H lập giấy rút số tiền 116.510.000 đồng.
- Ngày 24/12/2014, H lập giấy rút số tiền 106.544.000 đồng.
- Ngày 26/01/2015, H lập giấy rút số tiền 203.000.000 đồng.
- Ngày 09/3/2015, H lập giấy rút số tiền 157.431.000 đồng.
- Ngày 16/03/2015, H lập giấy rút số tiền 127.431.000 đồng.

Qua điều tra, xác M tại các thời điểm rút tiền trên, không có Quyết định nào giao cho Ban trực tiếp chi trả tiền đền bù giải phóng mặt bằng cho dân. H đã chiếm đoạt của Nhà nước số tiền 2.118.132.000 đồng.

\* Hành vi thu tiền mặt trực tiếp từ đơn vị đối ứng và tiền đền bù giải phóng mặt bằng rồi chiếm đoạt 562.895.000 đồng của Vương QUỐC H:

Ngày 3/7/2014, theo yêu cầu của Vương QUỐC H, HTX Nông nghiệp Phú Lương III đã nộp vốn đối ứng công trình giao thông nội đồng Khê Xá Lương Lộc - Phú Lương số tiền 194.000.000 đồng cho H tại Ban. Sau đó, H không nộp vào tài khoản tiền gửi của Ban tại Kho bạc huyện PV mà chiếm đoạt. Để che giấu hành vi chiếm đoạt của mình, H đã lập pH chuyển tiền trong khoản tiền đối ứng còn tồn lại của

các công trình khác từ tài khoản của Ban tại Kho bạc huyện PV để trả tiền xây lắp 101.354.000 đồng cho đơn vị thi công.

Ngày 8/9/2014, Vương QUỐC H thu tiền đối ứng của HTX Nông nghiệp Phú Mậu 1 số tiền 200.000.000 đồng của công trình giao thông nội đồng Hói Cấn - Mậu Tài, Phú Mậu tại Ngân hàng NN&PTNT huyện PV, chi nhánh Chợ Mai. Sau khi nhận tiền, H không nộp vào tài khoản tiền gửi của Ban tại Kho bạc huyện PV mà chiếm đoạt. Để che giấu hành vi chiếm đoạt của mình, H đã lập pH chuyển tiền trong số tiền đối ứng còn tồn lại của các công trình khác từ tài khoản của Ban tại Kho bạc huyện PV để trả 159.979.000 đồng cho đơn vị thi công.

Ngày 05/11/2014, H nhận tiền mặt tiền đền bù giải phóng mặt bằng còn thừa do Trung tâm phát triển quỹ đất huyện PV trả lại số tiền 168.895.000đ của công trình Đường giao thông nông thôn Hòa Duân, nhưng H không nộp vào ngân sách huyện (theo mã của dự án) mà chiếm đoạt số tiền trên. Để che giấu hành vi chiếm đoạt của mình, ngày 22/12/2014, H đã làm lệnh chi tiền trong số tiền đối ứng còn tồn lại của các công trình khác từ tài khoản của Ban tại Kho bạc huyện PV đúng số tiền này với nội dung “nộp tiền đền bù giải phóng mặt bằng chưa chi trả” nhằm bù cho số tiền H đã chiếm đoạt.

Như vậy, Vương QUỐC H đã chiếm đoạt với tổng cộng số tiền là 2.681.027.000 đồng (Hai tỷ sáu trăm tám mươi một triệu không trăm hai mươi bảy nghìn đồng).

### **1.3. Về hành vi chiếm đoạt tiền công trình, chi phí quản lý dự án, tiền đền bù giải phóng mặt bằng của Vương QUỐC H giai đoạn 2010 -2015:**

+ Công trình Hạ tầng khu tái định cư Phú Hải:

Công trình hạ tầng khu tái định cư thôn Cự Lại Đông, xã Phú Hải được Sở kế hoạch đầu tư phê duyệt nguồn vốn ngân sách tỉnh với tổng mức đầu tư 818.225.000 đồng (trong đó kinh phí đền bù giải phóng mặt bằng 420.000.000 đồng) vào ngày 29/10/2009. Do tỉnh chưa bố trí nguồn vốn nên Ban đã tạm ứng ngân sách huyện PV 117.812.000 đồng để thực hiện công tác giải phóng mặt bằng.

Đến giữa năm 2010, Ngân sách tỉnh đã được cấp để triển khai dự án nên ngày 18 tháng 8 năm 2010, Giám đốc Ban (ông Hoàng L) đã có tờ trình số 83/TTr-BĐTXD đề nghị UBND huyện và Phòng Tài chính kế hoạch huyện PV quyết định thu hồi kinh phí đã tạm ứng trên để Ban có cơ sở hoàn trả lại ngân sách huyện. Ngày 10 tháng 9 năm 2010, UBND huyện ra Quyết định số 3074/QĐ-UBND về việc thu hồi số tiền vào ngân sách huyện. Tuy nhiên, H không nộp 117.812.000 đồng vào ngân sách huyện và chiếm đoạt số tiền trên.

+ Công trình trường Tiểu học Phú Mậu 1:

Công trình này được UBND huyện PV phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật và kế hoạch đấu thầu tại Quyết định số 1063/QĐ-UBND ngày 16/4/2010 với tổng mức đầu tư 1.789.086.000 đồng. Trong đó vốn ngân sách TP Huế đầu tư 405.776.000 đồng, vốn ODA Nhật Bản 1.383.310.000 đồng. Sau đó, UBND TP Huế đã chuyển vào tài khoản tiền gửi của Ban (3713) vốn đối ứng 400.000.000 đồng. Ngày 23/6/2012, UBND huyện PV phê duyệt quyết toán tổng trị giá 1.707.009.000 đồng (trong đó ngân sách TP Huế 325.662.000 đồng, vốn ODA 1.381.347.000 đồng). Kinh phí còn thừa của

ngân sách TP Huế 74.338.000 đồng, H đã làm thủ tục rút tiền số tiền trên rồi chiếm đoạt.

+ Công trình trường Mầm non Phú Xuân:

Công trình này được UBND huyện phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật theo quyết định số 660/QĐ-UBND ngày 18/12/2012 với tổng mức đầu tư 1.545.090.500 đồng (trong đó ngân sách huyện 621.036.000 đồng, vốn tài trợ của hiệp H Bretagne – Việt Nam (Pháp) 924.054.500 đồng). Công trình được phê duyệt quyết toán vào ngày 17/6/2013. Trong đó số tiền chi phí quản lý dự án của Ban là 28.336.000 đồng, nhưng H không chi phí thường xuyên cho Ban, không có sổ sách để theo dõi và chiếm đoạt số tiền trên.

+ Công trình đường Cồn Hợp Châu:

Công trình này được Sở kế hoạch đầu tư tỉnh phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật theo quyết định số 95/QĐ-SKH ngày 17/5/2010 với tổng mức đầu tư 4.629.000.000 đồng. Đến ngày 18/12/2012 phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành với tổng kinh phí 4.483.572.000 đồng (trong đó ngân sách tỉnh 2.415.243.000 đồng, vốn tài trợ của Công ty cổ phần điện tử - tin học viễn thông Elitico 2.057.006.000 đồng và vốn khác 11.323.000 đồng).

Căn cứ chứng từ thể hiện nguồn vốn của Elitico được chuyển về tài khoản tiền gửi của Ban tại Ngân hàng Sài Gòn Thương tín – CN PB. Ngoài số tiền chuyển trả tiền khối lượng thi công, đến ngày 26/9/2011 H lập chứng từ rút tiền 70.825.000 đồng để chi phí công trình. Đến ngày 16/01/2013, H lập giấy rút nguồn ngân sách chuyển vào tài khoản tiền gửi của Ban cùng số tiền 70.825.000 đồng, sau đó H làm thủ tục rút chi phí quản lý dự án số tiền 70.825.000 đồng rồi chiếm đoạt.

+ Công trình đường quy hoạch Thuận An tuyến số 2:

Công trình này được UBND huyện PV quyết định phê duyệt giá trị đền bù 197.331.000 đồng. Ngày 27/2/2012, Ban đã rút tạm ứng số tiền này để chi trả cho các hộ dân. Tuy nhiên, đến ngày 03/10/2013 Ban chỉ hoàn chứng từ 172.457.000 đồng, còn lại 24.874.000 đồng H không nộp vào ngân sách huyện mà chiếm đoạt.

+ Công trình chỉnh trang QL49 đoạn Chợ Mai – Thị trấn Thuận An:

Công trình này được UBND tỉnh phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật theo quyết định số 1896/QĐ-UBND ngày 18/10/2012 với tổng mức đầu tư 32.281.000.000 đồng, trong đó chi phí đền bù giải phóng mặt bằng tạm tính 6 tỷ đồng.

Ban đã tạm ứng tiền đền bù cho Trung tâm phát triển quỹ đất huyện PV để đền bù giải phóng mặt bằng. Do chi trả không hết cho các hộ dân nên ngày 07/01/2014, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện PV đã chuyển trả số tiền còn lại 166.765.000 đồng cho Ban đầu tư và xây dựng PV, H trực tiếp nhận nhưng H không báo cáo lãnh đạo Ban để nộp vào ngân sách mà chiếm đoạt số tiền trên.

+ Công trình đường Nội thị đến Trung tâm hành chính Thuận An:

Công trình này cũng liên quan đến tiền đền bù giải phóng mặt bằng, sau khi Trung tâm phát triển quỹ đất huyện trả số tiền còn lại cho Ban 134.224.000 đồng vào ngày 22/10/2014, nhưng H không báo cáo lãnh đạo ban để nộp vào ngân sách huyện mà chiếm đoạt.

Vương QUỐC H đã chiếm đoạt tiền của Nhà nước 617.174.000 đồng.

Như vậy, với trách nhiệm được giao bằng các thủ đoạn khác nhau Vương QUỐC H đã chiếm đoạt tiền của Nhà nước **tổng cộng số tiền là 4.233.997.000 đồng.**

## **2. Hành vi thiếu trách nhiệm của Trần Đình N, nguyên Giám đốc Ban:**

**Trần Đình N**, Giám đốc Ban đầu tư và xây dựng huyện PV (từ ngày 08 tháng 7 năm 2013 đến ngày 30/3/2015) có chức năng, nhiệm vụ quản lý, điều hành T bộ các hoạt động của Ban, chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện PV và trước pháp luật về mọi hoạt động của Ban.

Do không thực hiện đúng nhiệm vụ được giao trong công tác quản lý tài chính; không kiểm tra kỹ chứng từ rút tiền trước khi ký; không kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ các nguồn tiền để Vương QUỐC H lợi dụng chiếm đoạt tiền của Nhà nước, gây hậu quả nghiêm trọng.

### **2.1 Hành vi thiếu trách nhiệm của Trần Đình N liên quan đến việc để Vương QUỐC H chiếm đoạt nguồn tiền bảo hành công trình từ tài khoản tiền gửi của Ban tại Ngân hàng Vietinbank – chi nhánh Nam Thừa Thiên Huế:**

Theo quy định, sau khi nghiệm thu kết thúc bảo hành công trình, Ban tiến hành chuyển khoản 5% giá trị công trình mà Ban đã giữ lại cho nhà thầu. Tuy nhiên, do TH kiểm tra các chứng từ trước khi ký nên Trần Đình N đã ký duyệt chủ tài khoản 10 chứng từ rút tiền tại Ngân hàng Vietinbank – chi nhánh Nam Thừa Thiên Huế vượt quá số tiền bảo hành các công trình, rút không tiền bảo hành công trình, rút tiền bảo hành công trình trong khi công trình có chứng thư bảo lãnh để H lợi dụng chiếm đoạt tiền của Nhà nước. Cụ thể như sau:

- Chứng từ ngày 25/11/2013, với nội dung rút chi phí bảo hành công trình Chợ PD giai đoạn 2, số tiền 170.561.000 đồng.

- Chứng từ ngày 04/12/2013, với nội dung rút chi phí bảo hành công trình, số tiền 70.956.000 đồng.

- Chứng từ ngày 09/12/2013, với nội dung rút chi phí bảo hành công trình Khu văn hóa thể thao trung tâm huyện lỵ PD, số tiền 183.121.000 đồng.

- Chứng từ ngày 02/01/2014, với nội dung rút chi phí bảo hành công trình Vía hè nội thị 6 PD, số tiền 139.450.000 đồng.

- Chứng từ ngày 17/02/2014, với nội dung chi phí bảo hành công trình vĩa hè, hệ thống thoát nước đường nội thị 1 PD, số tiền 77.189.000 đồng.

- Chứng từ ngày 03/3/2014, với nội dung rút chi phí bảo hành công trình trụ sở HĐND và UBND huyện PV, số tiền 193.560.000 đồng.

- Chứng từ ngày 28/5/2014, với nội dung rút chi phí bảo hành công trình Vĩa hè đường nội thị 6 PD, số tiền 155.000.000 đồng.

- Chứng từ ngày 16/6/2014, với nội dung rút chi phí bảo hành công trình trường Mầm non Phú Xuân, số tiền 265.800.000 đồng.

- Chứng từ ngày 25/6/2014, với nội dung rút chi phí bảo hành công trình Trường THCS Phú Lương, số tiền 50.110.000 đồng.

- Chứng từ ngày 09/9/2014, với nội dung rút chi phí bảo hành công trình Trường Mầm non Phú Lương, số tiền 102.200.000 đồng.

Như vậy, Trần Đình N đã ký chủ tài khoản rút tiền mặt từ tài khoản tiền gửi của Ban tại Ngân hàng Vietinbank – chi nhánh Nam Thừa Thiên Huế với tổng số tiền là 1.407.947.000 đồng. Sau đó Vương QUỐC H chi trả tiền bảo hành công trình cho các nhà thầu tổng cộng 597.501.000 đồng (trong đó H trả cho các doanh nghiệp trên 277.963.000 đồng và trả tiền bảo hành công trình Nâng cấp, cải tạo tuyến đường Thai Dương Thuận An cho Doanh nghiệp tư nhân Phúc Anh 319.538.000 đồng). Còn lại H chiếm đoạt 810.446.000 đồng. Như vậy, Trần Đình N đã tH trách nhiệm gây thiệt hại cho Nhà nước số tiền 810.446.000 đồng.

## **2.2 Hành vi tH trách nhiệm của Trần Đình N liên quan đến việc để Vương QUỐC H chiếm đoạt nguồn tiền đối ứng của các công trình do Ban làm chủ đầu tư.**

\* Trần Đình N đã tH trách nhiệm để Vương QUỐC H rút nguồn tiền đối ứng từ tài khoản tiền gửi 3713 của Ban tại Kho bạc huyện PV để chiếm đoạt.

Trần Đình N không thực hiện đúng nhiệm vụ được giao đã ký 12 chứng từ rút tiền mặt từ tài khoản tiền gửi của Ban tại Kho bạc huyện PV thuộc nguồn vốn đối ứng của cấp xã mà không kiểm tra chặt chẽ nội dung của chứng từ trước khi ký nên Nam ký vào phần chủ tài khoản mà không phát hiện được chứng từ sai phạm, dẫn đến H chiếm đoạt 2.118.132.000 đồng. Cụ thể:

- Chứng từ rút tiền ngày 15/9/2014, có nội dung rút chi phí đền bù giải phóng mặt bằng với số tiền 395.322.000 đồng.

- Chứng từ rút tiền ngày 01/10/2014, có nội dung rút chi phí đền bù GPMB với số tiền 94.231.000 đồng.

- Chứng từ rút tiền ngày 21/10/2014, có nội dung rút chi phí đền bù GPMB với số tiền 168.248.000 đồng.

- Chứng từ rút tiền ngày 03/11/2014, có nội dung rút chi phí đền bù GPMB với số tiền 269.150.000 đồng.

- Chứng từ rút tiền ngày 27/11/2014, có nội dung rút chi phí đền bù GPMB với số tiền 112.650.000 đồng.

- Chứng từ rút tiền ngày 02/12/2014, có nội dung rút chi phí đền bù GPMB với số tiền 179.950.000 đồng.

- Chứng từ rút tiền ngày 09/12/2014, có nội dung rút chi phí đền bù GPMB với số tiền 187.665.000 đồng.

- Chứng từ rút tiền ngày 16/12/2014, có nội dung rút chi phí đền bù GPMB với số tiền 116.510.000 đồng.

- Chứng từ rút tiền ngày 24/12/2014, có nội dung rút chi phí đền bù GPMB với số tiền 106.544.000 đồng.

- Chứng từ rút tiền ngày 26/01/2015, có nội dung rút chi phí đền bù GPMB với số tiền 203.000.000 đồng.

- Chứng từ rút tiền ngày 09/3/2015, có nội dung rút chi phí đền bù GPMB với số tiền 157.431.000 đồng.

- Chứng từ rút tiền ngày 16/03/2015, có nội dung rút chi phí đền bù GPMB với số tiền 127.431.000 đồng.

\* Trần Đình N tH trách nhiệm để Vương **QUỐC H** chiếm đoạt tiền mặt từ việc thu tiền đối ứng, tiền đền bù giải phóng mặt bằng:

Trần Đình N đã buông lỏng trong quản lý, tH kiểm tra, kiểm soát nguồn tiền, nên để Vương **QUỐC H** tự ý thu tiền mặt và chiếm đoạt nguồn vốn đối ứng của các đơn vị tổng số tiền là 562.895.000 đồng. Trong đó chiếm đoạt của Hợp tác xã Nông nghiệp Phú Lương III 194.000.000 đồng, Hợp tác xã Nông nghiệp Phú Mậu 1 200.000.000 đồng và chiếm đoạt 168.895.000 đồng của công trình Đường giao thông nông thôn Hòa Duân do Trung tâm Phát triển quỹ đất PV chuyển trả. Để cho giấu hành vi phạm tội của mình, H đã lập chứng từ chuyển khoản trình Nam ký chuyển tiền trong số tiền đối ứng còn tồn lại của các công trình khác từ tài khoản của Ban tại Kho bạc huyện PV cho đơn vị thi công.

Như vậy, **Trần Đình N**, Giám đốc Ban đã tH trách nhiệm để Vương **QUỐC H** chiếm đoạt của Nhà nước tổng cộng số tiền là 3.491.473.000 đồng, gây hậu quả nghiêm trọng.

**Về vật chứng:** Cơ quan điều tra đã tạm giữ của Vương **QUỐC H** các tài sản:

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone số Imel: 359230062253083 đã qua sử dụng.

+ 01 điện thoại di động hiệu GIONEE L800 đã qua sử dụng (BL: 14).

+ 01 máy Laptop hiệu Compaq đã qua sử dụng (BL: 16)

+ 01 sổ tay và các tài liệu khác hiện đang lưu tại hồ sơ vụ án (BL: 3303-3383, 3404, 3420, 3422-3451, 3452-3496).

Ngoài ra, để đảm bảo cho công tác điều tra xử lý, Cơ quan Cảnh sát điều tra có công văn phong tỏa số tiền 935.796.000 đồng từ tài khoản tiền gửi của Ban số 177010000014449 tại Ngân hàng Vietinbank - Thừa Thiên Huế và số tiền 2.681.027.000 đồng từ tài khoản tiền gửi của Ban số 3713 tại Kho bạc huyện PV do H nộp để khắc phục hậu quả.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi Thanh tra huyện PV tiến hành kiểm tra Ban đầu tư và xây dựng huyện PV, phát hiện sai phạm của Vương **QUỐC H** thì H đã tự nguyện nộp vào ngân sách Nhà nước T bộ số tiền 4.233.997.000 đồng để khắc phục hậu quả.

Tại bản cáo trạng số 23/QĐ/KSĐT ngày 18/9/2017, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố bị cáo Vương **QUỐC H** về tội “Tham ô tài sản” theo điểm a, khoản 4, Điều 278 Bộ luật hình sự; bị cáo Trần Đình N về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” quy định tại Khoản 2, Điều 285 Bộ luật hình sự.

- Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế giữ nguyên quan điểm như cáo trạng và đề nghị H đồng xét xử sơ thẩm:

Áp dụng điểm a, khoản 4, Điều 353; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của **QUỐC H** để xử phạt Vương **QUỐC H** từ 15 đến 16 năm tù về tội “Tham ô tài sản”, thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt tạm giam 29/01/2016.

Hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo Vương **QUỐC H** đảm nhiệm chức vụ về quản lý tài sản với thời hạn 5 năm, sau khi chấp hành xong hình phạt tù của bản án này.

Áp dụng Khoản 2, Điều 285, các điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 để xử phạt Trần Đình N từ 2 năm 6 tháng đến 3 năm tù về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 5 (năm) năm, kể từ ngày tuyên án.

Hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo Trần Đình N đảm nhiệm chức vụ về quản lý tài sản với thời hạn 05 (năm) năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo Vương QUỐC H đã tự nguyện nộp vào ngân sách Nhà nước T bộ số tiền 4.233.997.000 đồng để khắc phục hậu quả. Tại phiên tòa, nguyên đơn dân sự không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra có công văn phong tỏa số tiền 935.796.000 đồng từ tài khoản tiền gửi của Ban số 177010000014449 tại Ngân hàng Vietinbank - Thừa Thiên Huế và số tiền 2.681.027.000 đồng từ tài khoản tiền gửi của Ban số 3713 tại Kho bạc huyện PV do H nộp để khắc phục hậu quả. Xét thấy việc phong tỏa tài khoản này không còn cần thiết, đề nghị cần hủy bỏ các lệnh phong tỏa trên.

Về xử lý vật chứng: trả lại 2 điện thoại và 1 máy vi tính xách tay cho bị cáo.

- Ý kiến của luật sư bào chữa cho bị cáo Vương QUỐC H:

+ Đối với 07 khoản tiền công trình, chi phí quản lý dự án, tiền đền bù giải phóng mặt bằng của giai đoạn 2010 -2015 với tổng số tiền là 617.174.000 đồng, bị cáo Vương QUỐC H hoàn T không có thủ đoạn gian dối để rút tiền về và cũng không có thủ đoạn gian dối nào như làm giả chứng từ, hay sửa chữa chứng từ sổ sách ,... để nhằm chiếm đoạt tài sản mà mình quản lý; các dự án mà có phần tiền H chiếm giữ đều có sổ sách kế toán theo dõi chặt chẽ và H đã phải lấy tiền cá nhân để nộp lại. Do đó, đề nghị không kết luận bị cáo H phạm tội tham ô đối với các khoản tiền này.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, H đồng ý xét xử nhận định như sau:

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Tại phiên tòa, các bị cáo Vương QUỐC H, Trần Đình N đã khai nhận T bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố, lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của nguyên đơn dân sự, của người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nên đủ cơ sở kết luận:

Đối với Vương QUỐC H, trong khoảng thời gian từ tháng 9 năm 2010 đến tháng 03 năm 2015, đã lợi dụng chức trách nhiệm vụ được giao làm phó Giám đốc kiêm kế toán Ban đầu tư và xây dựng huyện PV, nhiều lần chiếm đoạt tiền của Nhà nước do mình có trách nhiệm quản lý với tổng số tiền là 4.233.997.000 đồng để sử dụng vào mục đích cá nhân. Trong đó, chiếm đoạt tiền bảo hành công trình 935.796.000đồng, vốn đối ứng 2.118.132.000đồng; tiền mặt đối ứng, đền bù giải phóng mặt bằng 562.895.000đồng, chi phí quản lý dự án, tiền công trình 617.174.000 đồng.

[2] Đối với Trần Đình N, Giám đốc Ban đầu tư và xây dựng huyện PV không thực hiện đúng nhiệm vụ được giao trong công tác quản lý tài chính, tH trách nhiệm khi không kiểm tra kỹ các chứng từ rút tiền mặt trước khi ký, chưa thường xuyên kiểm

tra, kiểm soát chặt chẽ các nguồn tiền, việc quản lý còn lỏng lẻo nên Vương **QUỐC H** đã lợi dụng sơ hở chiếm đoạt tiền của Nhà nước với tổng số tiền là 3.491.473.000 đồng (trong đó, trách nhiệm của Nam về số tiền H chiếm đoạt tiền bảo hành công trình 810.446.000 đồng; tiền vốn đối ứng 2.118.132.000 đồng; tiền mặt đối ứng, tiền đền bù giải phóng mặt bằng 562.895.000 đồng).

Với các hành vi nêu trên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố bị cáo Vương **QUỐC H** về tội “Tham ô tài sản” theo điểm a, khoản 4, Điều 278 Bộ luật hình sự 1999; bị cáo Trần Đình N về tội “TH trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” quy định tại Khoản 2, Điều 285 Bộ luật hình sự 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên, điểm a khoản 4 Điều 353 Bộ luật hình sự 2015 quy định có lợi cho bị cáo Vương **QUỐC H** nên cần áp dụng Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của **QUỐC H** để xét xử bị cáo Vương **QUỐC H** theo quy định tại điểm a, khoản 4 Điều 353 Bộ luật hình sự 2015.

[3] Lời bào chữa của luật sư cho rằng, đối với 07 khoản tiền công trình, chi phí quản lý dự án, tiền đền bù giải phóng mặt bằng của giai đoạn 2010 -2015 với tổng số tiền là 617.174.000 đồng, bị cáo Vương **QUỐC H** không có ý thức chiếm đoạt, H đồng xét xử thấy rằng:

Bị cáo H là Phó giám đốc Ban đầu tư và xây dựng huyện PV phụ trách tài chính và do Ban không có thủ quỹ nên H kiêm luôn nhiệm vụ cất giữ tiền mặt của Ban.

- Đối với khoản tiền 70.825.000 đồng của Công trình đường Cồn Hợp Châu: ngày 26/9/2011 H lập chứng từ rút tiền 70.825.000 đồng để chi phí công trình, đến ngày 16/01/2013, H lại lập giấy rút nguồn ngân sách chuyển vào tài khoản tiền gửi của Ban cùng số tiền 70.825.000 đồng, sau đó H làm thủ tục rút chi phí quản lý dự án số tiền 70.825.000 đồng rồi chiếm đoạt.

- Các khoản tiền khác: Công trình hạ tầng khu tái định cư Phú Hải 117.812.000đồng, Công trình trường Tiểu học Phú Mậu 1 là 74.338.000 đồng, Công trình trường Mầm non Phú Xuân 28.336.000đồng, Công trình đường quy hoạch Thuận An tuyến số 2 là 24.874.000 đồng, Công trình chỉnh trang QL49 đoạn Chợ Mai - Thị trấn Thuận An 166.765.000 đồng, Công trình đường Nội thị đến Trung tâm hành chính Thuận An 134.224.000 đồng bị cáo H đã rút với nội dung rút chi phí quản lý dự án từ tài khoản tiền gửi của Ban để chi thường xuyên cho Ban, khoản tiền chi phí giải tỏa mặt bằng còn thừa lại hoặc bị xuất toán chờ nộp trả lại ngân sách. Nhưng qua nhiều năm H không báo cáo với lãnh đạo Ban, không lập chứng từ sổ sách theo dõi số tiền này theo quy định của pháp luật, đặc biệt, khi bàn giao công tác tài chính giữa giám đốc cũ Trần Đình N và giám đốc mới Phan Văn Ng, bị cáo H không báo cáo và không đưa những khoản tiền này vào sổ sách để bàn giao mà chiếm đoạt số tiền trên. Sau khi Thanh tra huyện PV tiến hành thanh tra tài chính của Ban phát hiện, H mới tự nguyện nộp trả lại T bộ số tiền này. Hành vi này của bị cáo H đã cấu thành tội tham ô tài sản. Do vậy, lời bào chữa của luật sư không có căn cứ để chấp nhận.

[4] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo thấy rằng:

Đây là vụ án tham nhũng có tính chất đặc biệt nghiêm trọng, bị cáo Vương **QUỐC H** lợi dụng chức vụ quyền hạn được giao đã chiếm đoạt tài sản có giá trị rất lớn, lên đến 4.233.997.000 đồng. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình

sự, nhận thức được việc lợi dụng chức trách, quyền hạn được giao để chiếm đoạt tiền của nhà nước do mình quản lý là vi phạm pháp luật, nhưng với động cơ vụ lợi, muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên dẫn đến phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã H, xâm phạm đến tài sản của Nhà nước với số tiền rất lớn, đồng thời, ảnh hưởng đến hoạt động, uy tín của Ban đầu tư và xây dựng huyện PV, tỉnh Thừa Thiên Huế, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm để có tác dụng giáo dục, răn đe phòng ngừa chung. Tuy nhiên, sau khi phạm tội bị cáo đã nộp lại đủ T bộ số tiền đã chiếm đoạt; bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bố bị cáo có nhiều thành tích trong công cuộc chống Mỹ cứu nước. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015. Mặt khác, Kho bạc nhà nước huyện PV có tH sót trong quá trình chi trả khoản 2,118 tỉ đồng chi trả bằng tiền mặt cho Ban đầu tư, tạo điều kiện cho bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, cần áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự 2015 để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ tác dụng giáo dục, phòng ngừa.

Về hình phạt bổ sung: cần áp dụng Điều 41, khoản 5 Điều 353 của Bộ luật hình sự 2015, cấm bị cáo Vương **QUỐC H** đảm nhiệm chức vụ về quản lý tài sản với thời hạn cần thiết sau khi chấp hành xong hình phạt tù của bản án này.

Đối với bị cáo Trần Đình N là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được với chức trách, quyền hạn của mình nếu không thực hiện đúng hoặc thực hiện không đầy đủ sẽ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Tuy nhiên, bị cáo đã không thực hiện đúng nhiệm vụ được giao trong công tác quản lý tài chính; không kiểm tra kỹ chứng từ rút tiền trước khi ký; không kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ các nguồn tiền nên để Vương **QUỐC H** lợi dụng chiếm đoạt tiền của Nhà nước với tổng cộng số tiền là 3.491.473.000 đồng, gây hậu quả nghiêm trọng. Vì vậy, cần phải xử lý nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là: có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án; bị cáo đã có thời gian tham gia trong quân đội; bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều thành tích trong công tác. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015. Mặt khác, Kho bạc nhà nước huyện PV có tH sót trong quá trình chi trả khoản 2,118 tỉ đồng bằng tiền mặt cho Ban đầu tư. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, cần áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự 2015 để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã H cũng đủ tác dụng giáo dục, phòng ngừa.

Về hình phạt bổ sung: cần áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự 2015, khoản 3 Điều 285 của Bộ luật hình sự 1999, cấm bị cáo Trần Đình N đảm nhiệm chức vụ về quản lý tài sản với thời hạn cần thiết kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[5] Đối với ông Hoàng L, Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã 2 lần trả hồ sơ để yêu cầu điều tra bổ sung làm rõ hành vi tH trách nhiệm để Vương **QUỐC H** chiếm đoạt số tiền 291.311.000 đồng của các công trình hạ tầng khu tái định cư Phú Hải, công trình trường Tiểu học Phú Mậu 1, công trình trường Mầm non Phú Xuân,

công trình đường Cồn Hợp Châu trong thời gian ông Hoàng L làm Giám đốc Ban đầu tư. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế giữ nguyên quan điểm như cáo trạng.

Đối với Kho bạc Nhà nước huyện PV, chưa kiểm tra kỹ tính hợp lệ, hợp pháp của chứng từ trong việc chi 12 chứng từ rút tiền mặt chi phí đền bù giải phóng mặt bằng với tổng số tiền là 2.118.132.000 đồng nên H đã lợi dụng sơ hở chiếm đoạt tiền của Nhà nước. Kho bạc Nhà nước huyện PV cần rút kinh nghiệm trong công tác nghiệp vụ để phòng ngừa tội phạm.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo Vương **QUỐC H** đã bồi thường đủ số tiền 4.233.997.000 đồng đã chiếm đoạt, đại diện Ban đầu tư và xây dựng huyện PV không có ý kiến gì về phân trách nhiệm dân sự nên H đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng:

Cơ quan điều tra đã tạm giữ của Vương **QUỐC H** các tài sản gồm:

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone số Imeil: 359230062253083 đã qua sử dụng.

+ 01 điện thoại di động hiệu GIONEE L800 đã qua sử dụng.

+ 01 máy Laptop hiệu Compaq đã qua sử dụng.

Đây là những tài sản riêng của bị cáo cần trả lại cho bị cáo, nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án phần án phí hình sự sơ thẩm

+ 01 sổ tay là cuốn sổ ghi việc vay mượn tiền của bà Đoàn Thị L, không liên quan gì đến vụ án này nên trả lại cho bà Lộc.

+ Đối với các tài liệu khác hiện đang lưu tại hồ sơ vụ án thì tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án

[8] Đối với số tiền 935.796.000 đồng có tại tài khoản tiền gửi của Ban đầu tư và xây dựng huyện PV số 177010000014449 tại Ngân hàng Vietinbank - Thừa Thiên Huế và số tiền 2.681.027.000 đồng có tại tài khoản tiền gửi của Ban đầu tư và xây dựng huyện PV số 3713 tại Kho bạc huyện PV do H nộp để khắc phục hậu quả để đảm bảo thi hành án, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã có công văn phong tỏa để đảm bảo cho công tác điều tra xử lý. Xét thấy việc phong tỏa tài khoản này không còn cần thiết, cần hủy bỏ các lệnh phong tỏa trên.

Cần trả lại cho Ban đầu tư và xây dựng huyện PV.

[9] Về án phí:

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Vương **QUỐC H** và Trần Đình N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố bị cáo Vương **QUỐC H** phạm tội “Tham ô tài sản”, bị cáo Trần Đình N phạm tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”.

Áp dụng điểm a, khoản 4, Điều 353; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự 2015; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của **QUỐC H** đối với bị cáo Vương **QUỐC H**;

Xử phạt Vương **QUỐC H** 15 (mười lăm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 29/01/2016.

Hình phạt bổ sung: Áp dụng Điều 41, khoản 5 Điều 353 của Bộ luật hình sự 2015, cấm bị cáo Vương **QUỐC H** đảm nhiệm chức vụ về quản lý tài sản với thời hạn 5 năm, sau khi chấp hành xong hình phạt tù của bản án này.

Áp dụng Khoản 2, Điều 285; Điều 60 Bộ luật hình sự 1999; các điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự 2015 đối với bị cáo **Trần Đình N**;

Xử phạt Trần Đình N 2 (hai) năm 6 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 5 (năm) năm, kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Trần Đình N cho Ủy ban nhân dân phường PH, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Hình phạt bổ sung: Áp dụng Điều 36, khoản 3 Điều 285 của Bộ luật hình sự 1999, cấm bị cáo Trần Đình N đảm nhiệm chức vụ về quản lý tài sản với thời hạn 03 (ba) năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

*\* Về trách nhiệm dân sự:*

Bị cáo Vương **QUỐC H** đã bồi thường đủ số tiền 4.233.997.000 đồng đã chiếm đoạt, đại diện Ban đầu tư và xây dựng huyện PV không có ý kiến gì về phần trách nhiệm dân sự nên H đồng xét xử không xem xét.

*\* Về xử lý vật chứng:* Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Trả lại cho bị cáo Vương **QUỐC H**:

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone số Imel: 359230062253083 đã qua sử dụng.

+ 01 điện thoại di động hiệu GIONEE L800 đã qua sử dụng

+ 01 máy Laptop hiệu Compaq đã qua sử dụng.

Nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Các vật chứng trên hiện đang tạm giữ tại Cục Thi hành dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế theo Quyết định chuyển vật chứng số 11/QĐ/KSĐT ngày 18/9/2017 và biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/12/2017 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế với Cục Thi hành dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế.

+ Trả lại cho bà Đoàn Thị L 01 sổ tay (hiện đang lưu giữ trong hồ sơ vụ án).

+ Đối với các tài liệu khác hiện đang lưu tại hồ sơ vụ án thì tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

Hủy bỏ công văn phong tỏa của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế, trả lại số tiền 935.796.000 đồng có tại tài khoản tiền gửi của Ban đầu tư và xây dựng huyện PV số 177010000014449 tại Ngân hàng Vietinbank - Thừa Thiên Huế và số tiền 2.681.027.000 đồng có tại tài khoản tiền gửi của Ban đầu tư và xây dựng huyện PV số 3713 tại Kho bạc huyện PV do H nộp để khắc phục hậu quả cho Ban đầu tư và xây dựng huyện PV.

*\* Về án phí:*

- Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Vương QUỐC H và Trần Đình N mỗi người phải chịu 200.000đồng.

Án sơ thẩm xét xử công khai, báo cho bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

**\* Nơi nhận:**

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh TT Huế;
- Sở Tư pháp tỉnh TT Huế;
- Phòng PV27 CA tỉnh;
- Trại tạm giam CA tỉnh;
- Bị cáo;
- Nguyên đơn dân sự;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu trữ;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa hình sự; Tổ HCTP.

**TM. H ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thanh Lộc**